

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **593/QĐ-TTg**

Hà Nội, ngày **06 tháng 4 năm 2016**

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thí điểm liên kết phát triển
kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ;
- UBND thành phố Hồ Chí Minh;
- HĐND các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Công báo;
- Lưu: Văn thư, V.III (3b), NHL **130**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Vũ Văn Ninh

QUY CHẾ THÍ ĐIỂM
Liên kết phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 593/QĐ-TTg
ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long (sau đây gọi tắt là Vùng), bao gồm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau và thành phố Cần Thơ (sau đây gọi tắt là địa phương), giai đoạn 2016 - 2020.

2. Các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các chương trình, dự án có qui mô Vùng hoặc có tính chất Vùng (sau đây gọi là các chương trình, dự án liên kết).

Điều 2. Mục đích liên kết

Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng đồng bằng sông Cửu Long và của từng địa phương trong Vùng nhằm huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; trọng tâm là phát triển nông nghiệp, sản xuất lúa gạo, trái cây và thủy sản với quy mô lớn theo chuỗi giá trị; tăng cường năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế; nâng cao sinh kế, tạo việc làm mới, tăng thu nhập, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và bảo vệ môi trường sinh thái.

Điều 3. Nguyên tắc liên kết

1. Các địa phương tham gia thí điểm liên kết Vùng theo nguyên tắc thống nhất, bình đẳng, công khai, minh bạch; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc thực hiện thí điểm liên kết Vùng.

2. Bảo đảm thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long, Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn Vùng, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm chủ yếu của từng địa phương sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thực hiện theo thứ tự ưu tiên các chương trình, dự án liên kết, bảo đảm phù hợp với nguồn lực và điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội của Vùng. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia thực hiện quy hoạch, kế hoạch; phát huy vai trò liên kết công tư.

4. Huy động sự tham gia, phối hợp của các tổ chức hỗ trợ phát triển quốc tế về các chương trình, dự án liên kết trên địa bàn.

5. Phân công cụ thể trách nhiệm chủ trì, phối hợp của từng Bộ, cơ quan, địa phương và các tổ chức liên quan trong việc thực hiện thí điểm liên kết Vùng.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Chương trình, dự án có quy mô Vùng hoặc có tính chất Vùng: Là các chương trình, dự án liên kết nằm trên địa bàn của hai địa phương trở lên hoặc nằm trên địa bàn của một địa phương nhưng có tác động đến ít nhất một địa phương khác trong Vùng.

2. Chuỗi giá trị: Là chuỗi của các hoạt động sản xuất, kinh doanh của một sản phẩm, mỗi khâu hoạt động trong chuỗi, giá trị sản phẩm được nâng lên đến mức hoàn chỉnh cuối cùng.

Chương II NỘI DUNG THÍ ĐIỂM LIÊN KẾT VÙNG

Điều 5. Lĩnh vực liên kết

1. Sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị đối với các mặt hàng nông nghiệp; tập trung xây dựng thương hiệu các sản phẩm chủ lực, có thế mạnh của Vùng gồm: Lúa gạo, trái cây và thủy sản.

2. Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ tưới tiêu; phòng chống lũ; kiểm soát xâm nhập mặn; quản lý, khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước; nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong mùa khô; xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển, đê bao, cống, đập, vành đai rừng ngập mặn và các dự án bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy, hàng không, cảng sông, cảng biển.

Điều 6. Các hoạt động liên kết

1. Về quy hoạch, kế hoạch:

a) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng; Quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Vùng thích ứng với biến đổi khí hậu;

b) Xây dựng, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của địa phương; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của địa phương.

2. Về phát triển sản xuất:

a) Liên kết giữa các địa phương trong việc lựa chọn các chương trình, dự án liên kết phát triển sản xuất có tính chất lan tỏa trên địa bàn các địa phương trong Vùng;

b) Lựa chọn, nhân rộng một số mô hình chuỗi giá trị các mặt hàng nông nghiệp; mô hình điểm chuyên canh và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất các sản phẩm nông nghiệp;

c) Tổ chức liên kết nông dân với nông dân thông qua tổ hợp tác, hợp tác xã; liên kết nông dân với doanh nghiệp xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến sản phẩm và xây dựng thương hiệu hàng hóa;

d) Thực hiện liên kết xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư; liên kết trong nghiên cứu, phát triển thị trường và tiêu thụ sản phẩm.

3. Về đầu tư kết cấu hạ tầng:

Sắp xếp, lựa chọn, xây dựng một số công trình trọng điểm thuộc lĩnh vực quy định tại Điều 5 Quy chế này có tác động lan tỏa, tạo đột phá thu hút đầu tư, làm động lực phát triển Vùng.

Phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong việc lập, triển khai và bồi thường, hỗ trợ tái định cư các chương trình, dự án liên kết.

4. Thiết lập hệ thống thông tin Vùng:

a) Xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin về tình hình và kết quả thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực vùng đồng bằng sông Cửu Long; các Quy hoạch tổng thể

phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch phát triển ngành, sản phẩm chủ yếu từng địa phương; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của các địa phương;

b) Thông tin về các hoạt động hợp tác đầu tư (định hướng đầu tư, các chương trình, dự án liên kết kêu gọi đầu tư; số liệu về đầu tư nước ngoài, đầu tư từ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong và ngoài Vùng,...);

c) Thông tin về cơ chế, chính sách ưu đãi của Nhà nước, tiến bộ khoa học, kỹ thuật, các chương trình, dự án liên kết; tình hình thị trường các sản phẩm nông nghiệp, nhất là các sản phẩm chủ lực: Lúa gạo, trái cây và thủy sản;

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin về tài nguyên và môi trường, tình hình biến đổi khí hậu và các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu của Vùng và các địa phương.

Điều 7. Nguồn vốn thực hiện

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ mức vốn tối thiểu 10% so với tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương phân bổ cho các địa phương trong Vùng để thực hiện các chương trình, dự án liên kết khi có đủ điều kiện đầu tư theo quy định.

2. Xây dựng kế hoạch vận động vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và tín dụng ưu đãi của Nhà nước theo kế hoạch 5 năm và hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án liên kết.

3. Ưu tiên bố trí vốn đối ứng từ ngân sách nhà nước để triển khai các chương trình, dự án liên kết theo hình thức hợp tác đối tác công tư (PPP).

4. Kinh phí sự nghiệp để triển khai các hoạt động thí điểm liên kết thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Vận động hỗ trợ tài chính từ các tổ chức tự nguyện và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Điều 8. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ thực hiện thí điểm liên kết chung toàn Vùng. Nghiên cứu, đề xuất, hướng dẫn cơ chế, chính sách chung để thực hiện có hiệu quả đối với lĩnh vực thí điểm liên kết quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Tổ chức triển khai rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng, giám sát, đánh giá quá trình triển khai thực hiện quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Xây dựng và ban hành bộ tiêu chí xác định các chương trình, dự án liên kết.

4. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành danh mục các chương trình, dự án liên kết.

5. Nghiên cứu, đề xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đổi mới thể chế trong quá trình thực hiện thí điểm liên kết Vùng.

6. Chủ trì, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương liên quan lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các chương trình, dự án liên kết.

7. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan thiết lập hệ thống thông tin quy định tại Khoản 4 Điều 6 Quy chế này.

Điều 9. Bộ Tài chính

1. Chủ trì xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chính sách hỗ trợ về tài chính đối với các thành phần kinh tế khi tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của Vùng.

2. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách tài chính thống nhất để thu hút, hỗ trợ xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại đối với các lĩnh vực thí điểm liên kết quy định tại Quy chế này.

3. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành thiết lập hệ thống thông tin về cơ chế, chính sách tài chính của Nhà nước đối với các lĩnh vực thí điểm liên kết Vùng quy định tại Khoản 4 Điều 6 Quy chế này.

4. Nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền cơ chế phân chia lợi ích, các nguồn thu từ các chương trình, dự án liên kết trong Vùng cho các địa phương có liên quan.

Điều 10. Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện thí điểm liên kết Vùng thuộc lĩnh vực phụ trách quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Xây dựng chính sách, biện pháp, chương trình, dự án phối hợp quản lý khai thác hiệu quả và bảo vệ tài nguyên, môi trường cho toàn Vùng.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương xây dựng các chương trình, dự án liên kết thuộc lĩnh vực phụ trách để triển khai thực hiện liên kết Vùng.

4. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương trong Vùng thiết lập hệ thống thông tin về tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu quy định tại Khoản 4 Điều 6 Quy chế này.

Điều 11. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện thí điểm liên kết Vùng thuộc lĩnh vực phụ trách quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng chương trình, dự án liên kết thuộc lĩnh vực phụ trách để triển khai thực hiện thí điểm liên kết Vùng.

3. Phối hợp, hướng dẫn các địa phương trong Vùng quy hoạch, xây dựng vùng sản xuất sản phẩm, nguyên liệu phù hợp với điều kiện, thế mạnh của Vùng gắn với doanh nghiệp sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

4. Xây dựng các chính sách phát triển sản xuất chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực của Vùng.

5. Nghiên cứu, xây dựng chính sách phát triển nông nghiệp bền vững có lồng ghép các yếu tố do biến đổi khí hậu.

6. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương thiết lập hệ thống thông tin về thực hiện thí điểm liên kết phát triển nông nghiệp bền vững quy định tại Khoản 4 Điều 6 Quy chế này.

Điều 12. Bộ Giao thông vận tải

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện thí điểm liên kết Vùng thuộc lĩnh vực phụ trách quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các địa phương xây dựng các chương trình, dự án liên kết thuộc lĩnh vực phụ trách để triển khai thí điểm liên kết Vùng.

Điều 13. Bộ Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương có liên quan tăng cường thông tin, dự báo thị trường các sản phẩm nông nghiệp, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường các sản phẩm chủ lực của Vùng.

2. Nghiên cứu, xây dựng các chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, liên kết tiêu thụ hàng hóa nông sản của Vùng.

Điều 14. Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các địa phương liên quan triển khai việc ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến sản phẩm chủ lực của Vùng.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương thiết lập hệ thống thông tin về khoa học công nghệ quy định tại Khoản 4 Điều 6 Quy chế này.

Điều 15. Các Bộ quản lý ngành

1. Tập trung bố trí nguồn vốn đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 do Bộ, ngành quản lý để triển khai các chương trình, dự án liên kết.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương xem xét điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Vùng thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành, địa phương liên quan thực hiện thí điểm liên kết Vùng các lĩnh vực theo chức năng nhiệm vụ được giao.

4. Chịu trách nhiệm giám sát, đánh giá quá trình triển khai thực hiện quy hoạch ngành sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 16. Các địa phương

1. Rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của Vùng thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Xác định danh mục và triển khai thực hiện các chương trình, dự án liên kết trên địa bàn.

3. Chủ động cân đối nguồn vốn thuộc phạm vi quản lý đối với các chương trình, dự án liên kết trên địa bàn.

4. Phối hợp các Bộ, ngành và địa phương liên quan trong việc xác định các chương trình dự án liên kết phát triển sản xuất, vùng nguyên liệu, cơ sở chế biến sản phẩm; hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất khi triển khai các chương trình, dự án liên kết trên địa bàn.

5. Xây dựng và cung cấp các thông tin, dữ liệu về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình theo yêu cầu của các Bộ, ngành, địa phương liên quan.

6. Chủ động xây dựng chính sách, cải cách thể chế nhằm khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế và thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào các chương trình, dự án liên kết.

Điều 17. Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ

1. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện thí điểm liên kết Vùng thuộc phạm vi chức năng được phân công.

2. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành, địa phương liên quan kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án liên kết trên địa bàn.

3. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá, sơ kết, tổng kết Quy chế thí điểm liên kết Vùng.

Điều 18. Chế độ báo cáo

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vùng đồng bằng sông Cửu Long và các Bộ, cơ quan liên quan có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm; sơ kết 02 năm thực hiện và tổng kết 05 năm về tình hình và kết quả thực hiện Quy chế thí điểm liên kết Vùng trên địa bàn gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương tổng hợp báo cáo hàng năm; sơ kết 02 năm thực hiện và tổng kết tình hình thực hiện Quy chế thí điểm liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long.


Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vùng đồng bằng sông Cửu Long có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm đánh giá việc thực hiện nội dung Quy chế này, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

The image shows the official seal of the Prime Minister of Vietnam, which is circular and contains the national emblem. Overlaid on the seal is a handwritten signature in black ink.

Vũ Văn Ninh